Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 37

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ MƯỜNG BI

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 6	Giáp địa giới hành chính xã Toàn Thắng	Ngã ba giáp bưu điện xã Mường Bi (tờ bản đồ số 37, thửa đất số 55 xã Phong Phú cũ)	3.300	1.320	810	2.470	990	610	2.160	870	540
2		Ngã ba giáp bưu điện xã Mường Bi (tờ bản đồ số 37, thửa đất số 55 xã Phong Phú cũ)	Hết đất nhà ông Dương Văn Hào	6.600	3.300	1.320	4.930	2.470	990	4.320	2.160	870
3		Giáp đất nhà ông Dương Văn Hào	Giáp địa giới hành chính xã Phú Cường cũ	3.300	1.320	810	2.470	990	610	2.160	870	540
4		Giáp địa giới hành chính xã Phong Phú cũ	Nhà ông Trìu, thửa 484 tờ bản đồ 83 xã Phú Cường cũ	1.210	720	260	910	550	200	800	480	180
5		Nhà ông Trìu, thửa 484 tờ bản đồ 83 xã Phú Cường cũ	Hết đất nhà Ông Bằng đường rẽ vào xóm Vó (thửa 716, tờ bản đồ 74 xã Phú Cường cũ)	3.300	1.320	810	2.470	990	610	2.160	870	540
6		Giáp đất nhà Ông Bằng đường rẽ vào xóm Vó (thửa 716, tờ bản đồ 74 xã Phú Cường cũ)	Hết địa giới hành chính xã Mường Bi (xã Phú Cường cũ)	1.210	720	260	910	550	200	800	480	180
7	Đường Tỉnh lộ 436	Ngã ba giao với đường Quốc Lộ 6	Đường rẽ vào núi cột cờ (hết thửa đất số 514, tờ bản đồ số 47 xã Phong Phú cũ)	3.300	1.320	810	2.470	990	610	2.160	870	540
8		Đường rẽ vào núi Cột Cờ	Hết địa giới hành chính xã Mường Bi (xã Phong Phú cũ)	3.300	1.320	810	2.470	990	610	2.160	870	540
9	Đường Tỉnh lộ 440	Ngã ba xóm Tân Phong (tiếp giáp thửa đất số 34, tờ bản đồ số 21 xã Địch Giáo cũ của xã Phong Phú cũ)	Cầu năm xóm Sơn Phú (hết thửa đất số 39 tờ bản đồ số 26 xã Địch Giáo cũ của xã Phong Phú cũ)	3.300	1.320	810	2.470	990	610	2.160	870	540
10		Cầu năm xóm Sơn Phú (hết thửa đất số 39 tờ bản đồ số 26 xã Địch Giáo cũ của xã Phong Phú cũ)	Hết địa giới hành chính xã Mường Bi (xã Phong Phú cũ)	3.300	1.320	810	2.470	990	610	2.160	870	540

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
11	Đường liên xã Phong Phú (nay là xã Mường Bi) - Trung Hòa (nay là xã Mường Hoa)	Ngã ba giao với Quốc lộ 6	Hết địa giới xã Phong Phú cũ	3.300	1.320	810	2.470	990	610	2.160	870	540
12		Tiếp giáp xã Phong Phú cũ	Hết địa giới hành chính xã Mường Bi, (xã Mỹ Hòa cũ)	500	330	260	380	260	200	340	230	180
13	Tuyến đường ĐH50	Giáp địa giới hành chính xã Tân Lạc (thị trấn Mãn Đức cũ)	Ngã ba giáp với đường Phong Phú (nay là xã Mường Bi) - Trung Hòa (nay là xã Mường Hoa) đất nhà ông Lợi	260	220	200	200	170	150	180	150	140
14	Đường Phong Phú (nay là xã Mường Bi) Phú Vinh (nay là xã Mường Hoa)	Ngã ba cây xăng QT Việt với Quốc Lộ 6	Hết đất xã Phong Phú cũ	330	310	300	260	250	240	230	210	200
15		Tiếp giáp địa giới hành chính xã Phong Phú cũ	Hết đất nhà ông Hạnh xóm Chù Bụa (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 5 xã Mỹ Hòa cũ)	260	220	200	200	170	150	180	150	140
16	Đường Tỉnh lộ 450	Giáp đất nhà Ông Bằng đường rẽ vào xóm Vó thửa 716, tờ bản đồ 74 xã Phú Cường cũ	Hết địa giới hành chính xã Mường Bi (xã Phú Cường cũ)	720	600	540	550	450	420	480	400	360
17	Đường Liên xã Phú Cường - Phú Vinh	Ngã ba giao với đường Quốc lộ 6	Hết thửa đất số 211 tờ bản đồ số 83 xã Phú Cường cũ	720	600	540	550	450	420	480	400	360
18		Giáp tờ 83, thửa 211 xã Phú Cường cũ	Hết địa giới hành chính xã Mường Bi (xã Phú Cường cũ)	260	220	200	200	170	150	180	150	140
19	Đường liên xóm	Nhà ông Võ Hoàn Long (thửa đất số 307, tờ bản đồ số 83)	Hết đất nhà văn hóa xóm Khời	260	220	200	200	170	150	180	150	140
20		Ngã ba nối với đường QL 6 (thửa đất số 21 tờ bản đồ số 113 xã Phú Cường cũ)	Xóm Kem xã Phong Phú cũ	260	220	200	200	170	150	180	150	140
21		Ngã ba nối với đường QL 6 đi xóm Trao (thửa đất số 7 tờ bản đồ số 107 xã Phú Cường cũ)	Hết thửa 89, tờ bản đồ số 103 xã Phú Cường cũ	260	220	200	200	170	150	180	150	140
22		Ngã ba giao với Quốc Lộ 6 (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 82 nhà bà Ẻn)	Hết thửa 327 tờ bản đồ số 83 xã Phú Cường cũ	260	220	200	200	170	150	180	150	140

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
23	Đường liên xóm	Ngã ba với đường QL6 (nhà ông Dương Văn Tư, thửa 57, tờ bản đồ số 31 xã Phong Phú cũ)	Nhà Văn hóa xóm Lũy Ải	810	650	400	610	470	360	440	410	300
24		Ngã ba chợ lồ nối với đường TL436 (thửa đất số 12 tờ bản đồ số 42 xã Phong Phú cũ)	Nhà ông Đinh Công Bảy xóm Tân Bình (thửa 206 tờ bản đồ số 12)	810	650	400	610	470	360	440	410	300
25		Ngã ba Quốc Lộ 6 cạnh cây xăng Mai Hương	Miếu thờ xóm Lũy Ải	810	650	400	610	470	360	440	410	300
26		Ngã ba cây xăng Duy Thúy với Quốc lộ 6	Hết đất bà Bùi Thị Bận (thửa đất số 15, tờ bản đồ số 33 xã Phong Phú cũ)	810	650	400	610	470	360	440	410	300
27		Ngã ba trường THPT Mường Bi với Quốc lộ 6	Hết đất nhà ông Bùi Văn Bịnh xóm Lũy Ải (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 52)	810	650	400	610	470	360	440	410	300
28		Ngã ba Quốc lộ 6 nhà bà Hưởng xóm Trọng Phú	Mặt Hồ Trọng	330	310	300	260	250	240	230	210	200
29		Ngã ba Quốc lộ 6 nhà ông Bùi Đăng Mai xóm An Phú (thửa 559, tờ 36 xã Phong Phú cũ)	Nhà Văn hóa xóm An Phú	810	650	400	610	470	360	440	410	300
30		Ngã ba Quốc lộ 6 nhà bà Bùi Thị Huệ xóm An Phú (thửa 44, tờ 36 xã Phong Phú cũ)	Nhà bà Bùi Thị Khoa xóm An Phú (thửa 235, tờ 36 xã Phong Phú)	810	650	400	610	470	360	440	410	300
31		Nhà ông Hoan xóm Tân Phú (tờ 32, thửa 289 xã Phong Phú cũ)	Nhà Văn hóa xóm An Phú	810	650	400	610	470	360	440	410	300
32		Ngã ba đường tỉnh lộ 436 xóm Kha Lạ (thửa 377, tờ 32 xã Địch Giáo cũ của xã Phong Phú cũ)	Tiếp giáp ngã ba xóm Sơn Phú đến nhà ông Bùi Văn Chức xóm Sơn Phú (thửa 1017, tờ 25 xã Địch Giáo cũ của xã Phong Phú cũ)	330	310	300	260	250	240	230	210	200
33		Ngã ba đường tỉnh lộ 436 nhà bà Bùi Thị Chụn xóm Mường Lồ (thửa 77, tờ 42 xã Phong phú cũ)	Tiếp giáp xóm Hông Thọng xã Toàn Thắng (xã Nhân Mỹ cũ)	810	650	400	610	470	360	440	410	300

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
34	Đường liên xóm	Ngã ba đường Quốc lộ 6 nhà Nguyễn Gia Huệ xóm Tân Phú (tờ 37, thửa 10 xã Phong Phú cũ)	Tiếp giáp xã Toàn Thắng (xã Nhân Mỹ cũ)	810	650	400	610	470	360	440	410	300
35		Ngã ba đường tỉnh lộ 440 cạnh Trụ sở Đảng ủy xã Mường Bi (thửa 642, tờ 21 xã Địch Giáo cũ của xã Phong Phú cũ	Tiếp giáp nhà ông Bùi Văn Canh xóm Mường Khung (thửa 57, tờ 14 xã Địch Giáo cũ của xã Phong Phú cũ)	330	310	300	260	250	240	230	210	200
36		Ngã ba đường 440 (Ngầm 10 xã Phong Phú)	Hết nhà ông Bùi Văn Bươn xóm Mường Khạng (thửa 408, tờ 12 xã Địch Giáo cũ của xã Phong Phú cũ)	260	220	200	200	170	150	180	150	140
37	Các đường xóm đã rải nhựa, bê tông rộng trên 2 m đấu nối với đường Quốc lộ 6	Giáp địa giới hành chính xã Toàn Thắng	Hết đất nhà ông Dương Văn Hào tính từ ngã ba chỉ giới giao thông sâu vào 300 m	810	650	400	610	470	360	440	410	300
38		Giáp đất nhà ông Dương Văn Hào	Giáp địa giới hành chính xã Phú Cường cũ tính từ ngã ba chỉ giới giao thông sâu vào 300 m	330	310	300	260	250	240	230	210	200
39		Giáp địa giới hành chính xã Phong Phú cũ	Hết địa giới hành chính xã Mường Bi (xã Phú Cường cũ) tính từ ngã ba chỉ giới giao thông sâu vào 300 m	260	220	200	200	170	150	180	150	140
40	Các đường xóm đã rải nhựa, bê tông rộng trên 2 m đấu nối với đường Tỉnh lộ 436	Ngã ba giao với đường QL6	Đường rẽ vào núi Cột Cờ (hết thửa đất số 514, tờ bản đồ số 47 xã Phong Phú cũ)tính từ ngã ba chỉ giới giao thông sâu vào 300 m	810	650	400	610	470	360	440	410	300
41		Đường rẽ vào núi Cột Cờ	Hết địa giới hành chính xã Mường Bi (xã Phong Phú cũ) tính từ ngã ba chỉ giới giao thông sâu vào 300 m	330	310	300	260	250	240	230	210	200

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
42	Các đường xóm đã rải nhựa, bê tông rộng trên 2 m đấu nối với đường Tỉnh lộ 440	Ngã ba xóm Tân Phong (tiếp giáp thửa đất số 34, tờ bản đồ số 21 xã Địch Giáo cũ của xã Phong Phú cũ)	Cầu năm xóm Sơn Phú (hết thửa đất số 39 tờ bản đồ số 26 xã Địch Giáo cũ của xã Phong Phú cũ) tính từ ngã ba chỉ giới giao thông sâu vào 300 m	330	310	300	260	250	240	230	210	200
43		Cầu năm xóm Sơn Phú	Hết địa giới xã Mường Bi (xã Phong Phú cũ) tính từ ngã ba chỉ giới giao thông sâu vào 300 m	260	220	200	200	170	150	180	150	140
44	Khu Tái định cư đường TL436			3.300			2.470			2.160		
45	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			220			180			140		